

HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ VÀ NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ RÁC THẢI NHỰA TẠI HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hoàng Thị Huệ¹, Nguyễn Thị Hồng Hạnh¹, Mậu Danh Huy¹, Phạm Hồng Tinh¹

TÓM TẮT

Bài báo trình bày kết quả về hiện trạng quản lý và nhận thức của người dân về rác thải nhựa tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Phương pháp điều tra xã hội học được thực hiện đối với 100 hộ gia đình tại (tuấn Trâm Trôi (35 hộ), xã An Thượng (35 hộ), xã Sơn Đông (30 hộ) và 11 cán bộ quản lý môi trường cấp huyện, xã. Khối lượng rác thải sinh hoạt và rác thải nhựa phát sinh xác định từ 50 hộ gia đình được lựa chọn ngẫu nhiên trong 100 hộ gia đình được điều tra xã hội học. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tổng lượng rác thải nhựa phát sinh trung bình trên địa bàn huyện Hoài Đức ước tính là 12096,99 kg/ngày, chiếm 7,95% trong tổng lượng rác thải phát sinh. Tỷ lệ rác thải nhựa phát sinh trung bình là 0,046 kg/người/ngày. Một số giải pháp nhằm giảm thiểu rác thải nhựa và nâng cao nhận thức người dân như mô hình phân loại rác tại nguồn và mô hình truyền thông cấp xã đã được đề xuất trên cơ sở các kết quả nghiên cứu.

Từ khóa: Nhận thức, rác thải nhựa, quản lý, giải pháp giảm thiểu rác thải nhựa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ô nhiễm môi trường do rác thải nhựa đã trở thành vấn đề môi trường toàn cầu, được chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ, các nhà khoa học và người dân trên toàn thế giới hết sức quan tâm. Rác thải nhựa không chỉ là vấn đề lớn, có nhiều tác động đến các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường, các hệ sinh thái mà còn tác động đến sức khỏe của con người. Jambeck và nnk (2015) cho rằng 50% lượng rác thải nhựa ở biển trên toàn thế giới là do các nước xung quanh biển Đông như Trung Quốc, Indonesia, Philippines, Việt Nam và Thái Lan; trong đó Việt Nam đứng thứ tư thế giới về xả rác thải nhựa ra biển [4].

Tại Việt Nam, lượng rác thải ngày một tăng, trong khi đó hệ thống thu gom, xử lý vẫn còn hạn chế. Năm 2015, Việt Nam phát sinh khoảng 27 triệu tấn chất thải. Chỉ tính riêng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã thải ra môi trường khoảng 80 tấn nhựa và túi ni lông mỗi ngày (Bùi Đức Hiền, 2019) [3]. Theo Nguyễn Thị (2019), nền trung bình khoảng 10% chất thải nhựa và túi ni lông không được tái sử dụng và thải bỏ hoàn toàn, thì lượng chất thải nhựa và túi ni lông thải bỏ xấp xỉ khoảng 2,5 triệu tấn/năm, đây

là gánh nặng cho môi trường, thậm chí dẫn tới thảm họa "ô nhiễm trắng" [5].

Cùng với sự tăng trưởng của thành phố Hà Nội, kinh tế của huyện Hoài Đức cũng phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Các khu dân cư đang được mở rộng và xây dựng nhanh chóng, các hoạt động công nghiệp cũng đang được đẩy mạnh, mức sống của nhân dân ngày càng được nâng cao, các nhu cầu về vật chất cũng tăng theo, dẫn tới lượng chất thải gia tăng [6], [7]. Cho đến hiện tại, các thống kê và nghiên cứu ở tại huyện Hoài Đức chưa cung cấp các thông tin cụ thể về lượng, loại và thành phần của nhựa thải và thực hiện rà soát, thống kê khối lượng, đánh giá tình hình phát sinh rác thải nhựa trên địa bàn huyện cũng như nhận thức của người dân về rác thải nhựa.

Nhằm đánh giá hiện trạng quản lý và nhận thức của công đồng về rác thải nhựa, từ đó đề xuất giải pháp quản lý phù hợp tại địa bàn huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, nghiên cứu "*Hiện trạng quản lý và nhận thức của người dân về rác thải nhựa tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội*" được lựa chọn thực hiện. Kết quả nghiên cứu, đánh giá hiện trạng phát sinh rác thải nhựa, hiện trạng quản lý và nhận thức của công đồng về rác thải nhựa, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao nhận thức đối công đồng, góp phần thay đổi thói quen hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa trong đời sống sinh hoạt cũng như giải pháp quản lý hiệu quả.

¹ Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
Email: ntkhanh.nt@hunrc.edu.vn

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm và phạm vi nghiên cứu

Huyện Hoài Đức có 20 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm thị trấn Trạm Trôi và 19 xã. Quá trình chọn địa điểm nghiên cứu được tiến hành như sau:

Sắp xếp các xã theo thứ tự từ cao đến thấp dựa theo mức sống của người dân trên địa bàn xã (dựa theo mức thu nhập và qua quan sát thực tế); các xã được chia thành 3 nhóm: nhóm có mức sống cao nhất trong huyện (6 xã/thị trấn); nhóm có mức sống trung bình trong huyện (6 xã); nhóm có mức sống thấp nhất trong huyện (8 xã). Ở mỗi nhóm, các xã được sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp dựa theo thu nhập và mức sống.

Ba xã đứng đầu đại diện cho 3 nhóm phân loại được lựa chọn làm khu vực nghiên cứu. Theo đó, nghiên cứu được tiến hành tại 3 xã/thị trấn đại diện cho huyện Hoài Đức, bao gồm: thị trấn Trạm Trôi (Nhóm 1), xã An Thượng (Nhóm 2) và xã Sơn Đông (Nhóm 3).



Hình 1. Huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội – khu vực nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: từ tháng 6 năm 2019 tới tháng 12 năm 2019.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp khảo sát thực địa và thu thập số liệu

Khảo sát thực địa tại các địa điểm trung tâm huyện đó là thị trấn Trạm Trôi, xã Na Thượng và xã Sơn Đông, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Quan sát, điều tra hiện trạng phát sinh, thu gom rác thải tại địa điểm nghiên cứu. Dựa trên kết quả khảo sát thực địa, xây dựng phiếu điều tra.

Kết hợp khảo sát thực địa, thu thập các tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, quy mô dân số, đặc điểm dân cư. Thu thập các thông tin, số liệu, hình ảnh về hiện trạng phát sinh chất thải rắn và rác thải nhựa tại khu vực dân cư huyện Hoài Đức: lượng rác thải nhựa phát sinh, tình hình thu gom, khối lượng thu gom, thời gian thu gom, lực lượng, phương tiện thu gom, phương án xử lý...

2.2.2. Phương pháp điều tra xã hội học

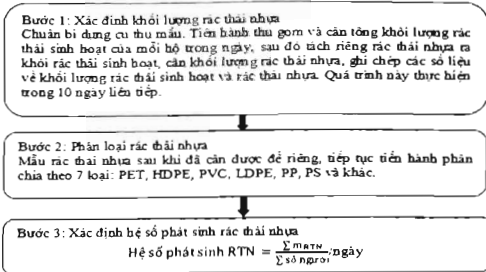
Xây dựng 02 mẫu phiếu điều tra, trong đó: 01 mẫu phiếu điều tra dành cho đối tượng điều tra là cán bộ quản lý môi trường cấp huyện và xã, 01 mẫu phiếu dành cho các hộ gia đình thuộc huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Xác định hệ số mẫu theo công thức:

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2} \quad (\text{Glover, 2003}) [2]$$

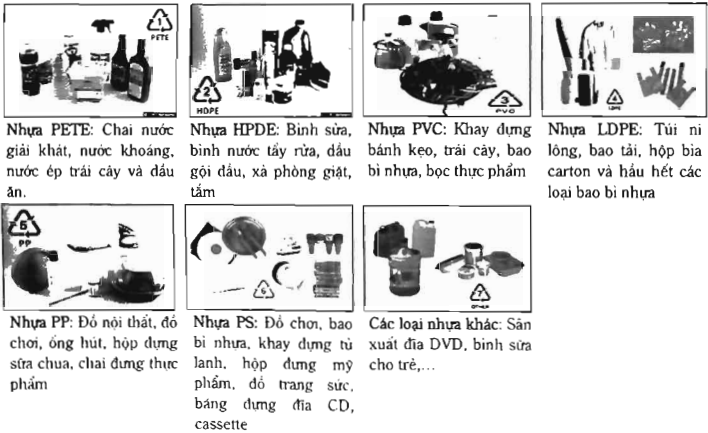
Theo số liệu của Chi cục Thống kê huyện Hoài Đức về kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở của huyện Hoài Đức, dân số tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2019 là 262.978 người [1]. Áp dụng công thức tính cỡ mẫu đã nêu ở phần trên với $N = 262.943$ và $e = 0,1$ (10%) thì số mẫu điều tra tối thiểu là 100. Trong nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 100 người đại diện cho 100 hộ gia đình sống tại huyện Hoài Đức, trong đó thị trấn Trạm Trôi 35 phiếu, xã An Thượng 35 phiếu, xã Sơn Đông 30 phiếu. Kết quả điều tra nhằm đánh giá được nhận thức của cộng đồng về rác thải nhựa tại khu vực nghiên cứu. Ngoài ra, tổng số phiếu điều tra trên đối tượng cán bộ môi trường cấp huyện và cấp xã là 11 người. Kết quả điều tra đối với nhà quản lý nhằm đánh giá hiện trạng phát sinh chất thải rắn, hiện trạng thu gom và quản lý rác thải nhựa tại địa phương. Từ kết quả điều tra đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp cho địa phương.

2.3. Phương pháp xác định khối lượng rác thải nhựa phát sinh

Trong 100 hộ gia đình phỏng vấn, chọn ra 50 hộ để thu gom, phân loại và cân rác thải nhựa. Kết quả thu gom, phân loại và cân rác thải sinh hoạt và rác thải nhựa phát sinh được lập đi lập lại liên tục tại 50 hộ gia đình trong 10 ngày ở thị trấn Trạm Trôi (16 hộ), xã Sơn Đông (17 hộ), xã An Thượng (17 hộ). Quy trình xác định khối lượng và hệ số phát sinh rác thải nhựa được thể hiện tại hình 2.



Hình 2. Quy trình xác định khối lượng và hệ số phát sinh rác thải nhựa



Hình 3. Phân chia 7 loại rác thải nhựa [8]

Rác thải nhựa được phân chia thành 7 loại: PET, HDPE, PVC, LDPE, PP, PS và các loại nhựa khác được thể hiện qua hình 3.

2.4. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Các thông tin, số liệu điều tra xã hội học, khối lượng rác thải sinh hoạt và rác thải nhựa được tổng hợp, phân tích và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2007 và SPSS Statistics 22 để đánh giá hiện trạng phát sinh, quản lý và nhận thức của người dân về rác thải nhựa tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

2.5. Hệ thống chỉ tiêu phân tích

Để đánh giá hiện trạng quản lý và nhận thức của người dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đối với rác thải nhựa, nghiên cứu đưa vào chỉ tiêu phân tích sau:

Hiện trạng quản lý công đồng trong việc sử dụng các sản phẩm nhựa, thu hồi, phân loại rác thải nhựa.

Nhận thức của người dân về việc sử dụng và thải bỏ các sản phẩm nhựa, đặc biệt là nhựa dùng một

lần: Tần suất sử dụng, loại sử dụng, đánh giá ô nhiễm môi trường,...

Mức độ sẵn lòng tham gia của người dân trong việc bảo vệ môi trường khỏi ô nhiễm nhựa: Phân loại rác thải nhựa tại nguồn hay không, mức sẵn lòng tham gia và đánh giá hoạt động quản lý của địa phương qua các hoạt động truyền thông giáo dục, hiểu biết về rác thải nhựa,...

Mức độ sẵn lòng thay đổi hành vi sử dụng rác thải nhựa: mức độ sẵn lòng chấp nhận chính sách không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, thay đổi thói quen sử dụng đồ nhựa, tham gia các hoạt động giảm thiểu rác thải nhựa.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá hiện trạng phát sinh rác thải nhựa tại các hộ gia đình

3.1.1. Tỷ lệ phát sinh rác thải nhựa tại khu vực nghiên cứu

Kết quả điều tra 50 hộ gia đình với 180 người trong 10 ngày liên tục có tổng khối lượng rác thải sinh hoạt là 1037,60 kg (tương đương với 103,760 kg/ngày), trong đó khối lượng rác thải nhựa là 8,250 kg (tương đương với 8,250 kg/ngày), chiếm 7,95% trong tổng lượng rác thải phát sinh (Bảng 1).

Bảng 1. Khối lượng và tỷ lệ phát sinh rác thải nhựa tại khu vực nghiên cứu

Đơn vị tính	Rác thải phát sinh	Rác thải nhựa	Tỷ lệ phát sinh rác thải nhựa (%)
Kg/ngày	103,760	8,250	7,95
Kg/người/ngày	0,576	0,046	

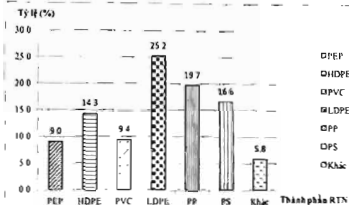
Kết quả ở bảng 1 cho thấy, tỷ lệ phát sinh rác thải nhựa chiếm 7,95% trong tổng lượng rác thải phát sinh. Khối lượng rác thải nhựa tuy chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ (7,95%) trong lượng rác thải sinh hoạt phát sinh, nhưng tác hại của chúng lại vô cùng nguy hiểm vì khi thải ra môi trường thường mất thời gian rất lâu để phân hủy. Hệ số phát sinh rác thải nhựa trung bình là 0,046 kg/người/ngày.

Từ kết quả điều tra thực địa và tính toán cho thấy, hệ số phát thải rác thải nhựa của 3 địa điểm nghiên cứu có sự khác nhau nhưng không nhiều, thị trấn Tràm Trôi là 0,05 kg/người/ngày, xã Sơn Đổng là 0,04 kg/người/ngày và xã An Thượng là 0,05 kg/người/ngày. Nhìn chung, tỉ lệ phát sinh rác thải

nhựa đều có mối liên hệ với mức thu nhập của các hộ gia đình. Nhóm có tỉ lệ phát sinh cao nhất là nhóm có thu nhập trung bình bao gồm nội trợ, hưu trí và tự do.

3.1.2. Khối lượng phát sinh rác thải nhựa theo thành phần

Kết quả nghiên cứu khối lượng phát sinh, phân loại và tính toán tỷ lệ phát sinh theo thành phần rác thải nhựa tại 50 hộ gia đình với 180 người trong 10 ngày ở thị trấn Tràm Trôi, xã An Thượng và xã Sơn Đổng được trình bày trong hình 4.



Hình 4. Tỷ lệ các thành phần rác thải nhựa

Kết quả thu được khi khảo sát đối với 50 hộ gia đình, khối lượng rác thải nhựa phát sinh là 8,25 kg/ngày, trong đó tỉ lệ cao nhất là LDPE với 25,3%. Lượng LDPE phát sinh nhiều nhất là do loại nhựa này bao gồm túi ni lông, bao tải, hộp bia carton và hầu hết các loại bao bì nhựa (Hình 3), trong đó ni lông là sản phẩm phổ biến, được ứng dụng rộng rãi nhất. Theo điều tra, ước tính trung bình 1 ngày mỗi hộ gia đình thải ra trung bình từ 15 - 40 chiếc túi ni lông các loại, đặc biệt phát sinh nhiều nhất tại các hộ gia đình làm nghề kinh doanh.

3.1.3. Hệ số phát sinh thành phần của rác thải nhựa

Kết quả nghiên cứu hệ số phát sinh thành phần của rác thải nhựa được thể hiện trong bảng 2.

Kết quả bảng 2 cho thấy, khối lượng rác thải nhựa phát sinh ra nhiều nhất là loại LDPE do có hệ số phát sinh nhiều nhất là 0,011 kg/người/ngày, tiếp theo là loại PP, PS, HDPE, PET, PVC và thấp nhất là nhựa khác với 0,003 kg/người/ngày.

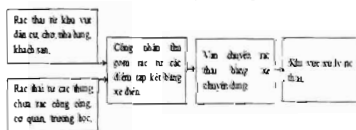
Với dân số tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2019 là 262.978 người [1], ước tính trung bình tổng lượng rác thải nhựa phát sinh trên địa bàn huyện Hoai Đức, thành phố Hà Nội là 12096,99 kg/ngày.

Bảng 2. Hệ số phát sinh theo thành phần rác thải nhựa

STT	Loại	Hệ số phát sinh rác thải nhựa (kg/người/ngày)	Khối lượng rác thải nhựa ước tính phát sinh trên địa bàn huyện (kg/ngày)
1	PET	0,004	1051,91
2	HDPE	0,007	1840,85
3	PVC	0,004	1051,91
4	LDPE	0,011	2892,76
5	PP	0,009	2366,80
6	PS	0,008	2103,82
7	PC và khác	0,003	788,93
Tổng phát sinh			12096,99

3.2. Hiện trạng công tác quản lý rác thải nhựa tại huyện Hoài Đức

Từ đầu năm 2019 đến nay, Hợp tác xã Thành Công (đơn vị thực hiện thu gom rác thải của huyện Hoài Đức) đã triển khai mô hình thu gom rác thải đường làng ngõ xóm bằng xe điện đạt hiệu quả, đến nay đã triển khai trên địa bàn 20/20 xã, thị trấn trong đó mỗi xã được bố trí từ 5 đến 7 xe điện thu gom rác đáp ứng được yêu cầu trong công tác thu gom, vận chuyển rác thải tại các xã được tốt hơn, giảm nhân công, giảm số lượng điểm tập kết xe gom (Hình 5).



Hình 5. Quy trình thu gom, vận chuyển rác thải tại huyện Hoài Đức

Theo báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban Nhân dân huyện Hoài Đức cho thấy, năm 2019, địa phương đã thực hiện tốt công tác giảm sút việc thu gom và vận chuyển rác thải, duy trì vệ sinh môi trường đảm bảo gọn gàng, sạch sẽ, rác thải được thu gom, vận chuyển trong ngày đạt tỷ lệ 97% [7].

Thu thập thông tin từ phiếu điều tra cho thấy, 87,6% đối tượng phỏng vấn cho rằng các hoạt động về công tác quản lý, xử lý rác thải nhựa tại địa phương chưa được tổ chức thường xuyên và 12,4% còn lại đồng ý các công tác quản lý chỉ ở mức độ lóng ghép hoạt động quản lý rác thải nhựa với rác thải sinh hoạt, chưa có chương trình riêng biệt cho loại rác thải này. Điều đó cho thấy rằng, tại địa phương vẫn còn chưa có nhiều các hoạt động về việc quản lý

và giảm thiểu rác thải nhựa phát sinh. Các hoạt động môi chỉ dừng lại ở việc lồng ghép với hoạt động của khu phố hoặc chương trình quản lý rác thải sinh hoạt mà chưa chú ý thể cho các loại rác thải nhựa. Bên cạnh đó, một phần là do nhận thức của người dân trong việc tham gia các hoạt động tại địa phương chưa được tích cực và nhiệt tình. Do đó, việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân ở đây là vô cùng cần thiết và cấp bách.

Kết quả khảo sát cho thấy, hơn 63% số người được phỏng vấn có biết hoặc có sự quan tâm nhất định đến mức độ nghiêm trọng của rác thải nhựa do họ đã được nghe qua các phương tiện truyền thông đại chúng, loa đài, báo chí. Tiến hành phỏng vấn các đối tượng khác nhau là cộng đồng người dân, các hộ kinh doanh buôn bán, khách du lịch về tác hại của rác thải nhựa, kết quả cho thấy, 92% các đối tượng đều cho rằng rác thải nhựa ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người. Tác hại của rác thải nhựa lên sinh vật biển ít được biết đến, chiếm tỷ lệ thấp nhất 43%. Có 82% người được phỏng vấn đồng ý với việc rác thải nhựa làm mất mỹ quan đường phố.

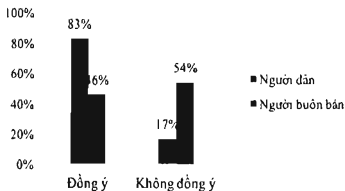
3.3. Nhận thức của người dân đối với rác thải nhựa

Nhựa là một loại vật dụng quen thuộc trong đời sống hằng ngày của con người. Các sản phẩm làm từ nhựa như cốc nhựa, hộp xốp, thìa nhựa, ống hút, túi nhựa... với ưu điểm bền, nhẹ, tiện dụng và giá thành thấp nên được sử dụng rộng rãi. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy, 70% số người được hỏi cho rằng các sản phẩm nhựa dùng một lần rất tiện lợi do có thể đến tác hại của chúng. Các sản phẩm nhựa sau khi sử dụng khó tái sử dụng lại nên thường được thải ra môi trường cùng với các loại rác thải sinh hoạt khác. Kết quả phỏng vấn cho thấy, 100% số hộ phỏng vấn trả lời rằng, trong rác thải sinh hoạt của gia đình họ

có lẫn rác thải nhựa, đặc biệt đối với các sản phẩm nhựa dùng một lần như cốc nhựa, hộp xốp, ống hút,... được sử dụng thường xuyên.

Đối với sự sẵn lòng tham gia bảo vệ môi trường, 65% người được phỏng vấn đều cho rằng, khi nhìn thấy người có hành động xả rác thải bừa bãi nơi chung và rác thải nhựa nói riêng thì im lặng và bỏ qua, 26% người trả lời chọn im lặng và bỏ vào thùng rác, 6% người trả lời thực hiện hành vi nhắc nhở và chỉ 3% người trả lời sẽ ngăn cản khi thấy mọi người vứt rác bừa bãi.

Tuy nhiên, khi được hỏi về mức độ sẵn lòng thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm nhựa nếu có các chính sách hạn chế nhựa, đa số các đối tượng được phỏng vấn đều đồng ý thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm nhựa, cụ thể ở người dân, người buôn bán tỷ lệ lên lượt là 83% và 46% (Hình 6). Bên cạnh đó, có 54% người buôn bán không đồng ý thay đổi do công việc kinh doanh phụ thuộc vào nhu cầu của khách hàng, nếu thay đổi sẽ mất khách. Hơn nữa, giá các sản phẩm thay thế tui ni lông, cốc sử dụng một lần sẽ cao hơn, khiến kinh doanh không lãi như trước. Các hộ kinh doanh buôn bán lại mong muốn được hỗ trợ về giá khi dùng các sản phẩm thay thế để ổn định kinh doanh.

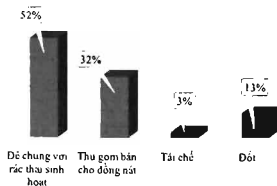


Hình 6. Tỷ lệ mức độ sẵn lòng thay đổi thói quen của người dân

Ngoài ra, khi được hỏi về mức độ sẵn lòng tham gia các chương trình phân loại, tái chế và quản lý rác thải nhựa, có 82% người dân đều sẵn lòng tham gia, 18% trả lời là không, nguyên nhân là do họ rất bận không có thời gian tham gia các hoạt động ở phường, xóm. Đây cũng là một trong những khó khăn của các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các chương trình giảm thiểu rác thải nhựa tại địa phương.

Kết quả khảo sát về hình thức phân loại và xử lý rác thải nhựa tại các hộ gia đình thể hiện ở hình 7

cho thấy, 32% hộ gia đình phân loại rác thải nhựa riêng tại nguồn để bán.



Hình 7. Các hình thức phân loại, xử lý rác thải nhựa tại các hộ gia đình

Các hộ thường tích trữ rác thải nhựa cùng với các loại sắt, giấy, kim loại khác để bán, chưa có sự phân loại rõ ràng. Các loại rác thải nhựa thường là chai lọ, xô chậu, đồ chơi... Tuy nhiên, điều này cũng đã góp phần tích cực trong việc giảm thiểu rác thải nhựa ra ngoài môi trường. Kết quả điều tra cho thấy, có tới 52% hộ bỏ chung rác thải nhựa cùng rác thải sinh hoạt. Các loại nhựa này thường là tui ni lông, vỏ bánh kẹo, màng bọc thực phẩm nên không thể bán cho các hộ thu mua phế liệu mà chúng lại chiếm phần lớn trong rác thải nhựa của người dân. Do đó, khi thải ra môi trường chúng sẽ gây ứ đọng, tắc cống rãnh và ảnh hưởng đến hệ sinh thái xung quanh. Tỷ lệ tự xử lý bằng phương pháp đốt rác thải nhựa là 13%. Các hộ gia đình này thường đốt rác thải nhựa với lá cây và vỏ thực phẩm một cách tự phát mà không có sự quản lý của chính quyền địa phương. Theo kết quả điều tra, khi được hỏi về tác hại của việc đốt rác thải nhựa đối với sức khỏe con người không thì 75% hộ đều trả lời là do đốt trong thời gian ngắn nên cũng không ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe.

3.4. Giải pháp giảm thiểu rác thải nhựa tại huyện Hoài Đức

Nhân thấy một trong những giải pháp giảm thiểu rác thải nhựa hiện nay chính là nâng cao nhận thức của người dân trong việc phân loại rác tại nguồn thông qua các chương trình truyền thông và sự phối hợp cùng các cơ quan quản lý về môi trường.

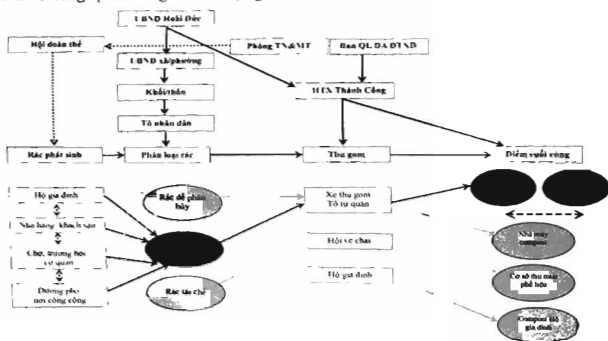
3.4.1. Mô hình phân loại rác thải tại nguồn cơ sở tham gia

Kết quả phân tích (Mục 3.3) cho thấy, chỉ có 32% hộ dân phân loại rác thải nhựa tại nguồn với mục

đích bán lại cho các đơn vị có nhu cầu mua như các hộ tái chế, số hộ còn lại thường góp chung rác thải nhựa cùng rác thải sinh hoạt. Tuy nhiên, việc thu gom, xử lý rác thải vẫn theo hướng một chiều, chưa đẩy mạnh sự tham gia và vai trò của cộng đồng trong việc thực hiện việc quản lý rác thải nhựa, khi chỉ có 13% rác thải nhựa được xử lý bằng phương pháp đốt, hầu hết rác còn lại được đem đi chôn lấp hoặc trôi dạt tại các cống rãnh gây ô nhiễm môi trường và hệ sinh thái xung quanh. Do đó, việc đẩy mạnh xây dựng mô hình phân loại rác tại nguồn có sự tham gia của cộng đồng vào kế hoạch và quản lý phân loại rác tại nguồn là vô cùng quan trọng. Theo đó, nghiên

cứu để xuất áp dụng mô hình phân loại rác tại nguồn có sự tham gia của cộng đồng theo quy mô cấp thôn tại huyện Hoài Đức.

Nguyên tắc của mô hình phân loại rác thải tại nguồn có sự tham gia của cộng đồng coi trọng vai trò của hộ gia đình trong việc thực hiện các cam kết/quy định của địa phương về sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, "nói không với túi ni lông", đặc biệt là thực hiện cam kết về phân loại rác thải tại nguồn. Vai trò của phân loại, xử lý rác thải có sự tham gia của cộng đồng trong hệ thống quản lý chất thải như hình 8.



Hình 8. Sơ đồ phân loại, xử lý rác thải có sự tham gia của cộng đồng

Từ đó, tiến hành quy trình xây dựng mô hình đồng quản lý phân loại rác tại nguồn theo 6 bước: (1) Thành lập nhóm soạn thảo và tổ chức soạn thảo quy chế; (2) Lấy ý kiến của các tổ chức và nhân dân cho bản dự thảo quy chế; (3) Thảo luận và thông qua quy chế; (4) Phê duyệt quy chế; (5) Nâng cao nhận thức; (6) Triển khai hành động và giám sát. Đồng thời lập kế hoạch quản lý phân loại rác tại nguồn cho địa phương với lộ trình thời gian từ 2020 – 2025, cụ thể: Chiến lược truyền thông phân loại rác tại nguồn; chiến lược đào tạo kỹ thuật về làm phân compost, xử lý rác thải nguy hại, xử lý chất thải ô nhiễm môi trường; chiến lược nghiên cứu chuyển giao công nghệ đốt rác thải khó phân hủy tại bãi rác hiện có; chiến lược giám sát phân loại rác thải tại huyện; chiến lược nghiên cứu cải tiến các trang thiết bị thu gom rác thải được phân loại cho phù hợp.

3.4.2. Mô hình tuyên truyền vận động "Giảm thiểu và tiến đến không sử dụng túi ni lông" cấp xã

Kết quả nghiên cứu cho thấy, 83% người dân và khoảng 46% các hộ kinh doanh được phỏng vấn sẵn sàng thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm nhựa (Hình 6). Đó là cơ sở quan trọng để tuyên truyền vận động người dân từng bước giảm thiểu và tiến tới không sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần. Ngoài ra, kết quả điều tra thực địa cho thấy, việc tuyên truyền nâng cao nhận thức thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm nhựa cũng được các đơn vị quản lý cấp huyện, xã rất quan tâm. Tuy nhiên, theo đánh giá chung của các nhà quản lý tại địa phương và chính người dân cho thấy, các phương pháp truyền thông hiện nay như tập huấn, treo băng rôn, áp phích vẫn chưa thực sự hiệu quả. Chính vì vậy, việc triển khai một mô hình truyền thông về "Giảm thiểu và

tiến đến không sử dụng túi ni lông” cấp xã có sự tham gia của nhiều bên liên quan; thực hiện đồng bộ trong một thời gian dài là rất cần thiết.

Để triển khai mô hình “Giảm thiểu và tiến đến không sử dụng túi ni lông”, Ủy ban nhân dân xã cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đoàn thể như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên để đưa ra được kế hoạch truyền thông chi tiết cho người dân trên địa bàn, mục đích của các chương trình truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng và giảm thiểu sử dụng nhựa dùng một lần. Cụ thể, tổ chức thực hiện chiến dịch “Gấp túi giấy sinh thái” với chất liệu bằng các loại báo, tạp chí cũ thu gom được hằng tuần, nhằm mục đích bảo vệ môi trường và tuyên truyền không sử dụng túi ni lông trong hoạt động buôn bán. Số lượng túi giấy gấp được sẽ trao tặng cho các hộ kinh doanh, tiểu thương tại các tạp hóa nhỏ lẻ. Các hình thức truyền thông có thể thông qua như tổ chức các hội thi văn nghệ, vẽ tranh, triển lãm,... giúp người dân hiểu rõ về tác hại của túi ni lông đối với con người và môi trường.

Bên cạnh đó, các hoạt động về tuyên truyền giáo dục thông qua việc khuyến khích người dân sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường, nâng cao hiểu biết của người dân về lợi ích của việc phân loại rác tại nguồn, tái chế rác thải nhựa, từ đó giúp họ có ý thức và trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, cụ thể, thực hiện cắt giảm sử dụng, đóng gói bao bì sản phẩm nhựa và ni lông, tăng cường sử dụng các sản phẩm từ vật liệu thân thiện với môi trường thay thế túi ni lông, bao bì nhựa như túi giấy, túi ni lông để phân hủy, dùng lá chuối, lá dong, lát buột từ cây giang, tre,... tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, bệnh viện, cơ sở y tế, trường học, chợ, trung tâm thương mại.

4. KẾT LUẬN

Tổng lượng rác thải nhựa phát sinh trung bình trên địa bàn huyện Hoài Đức ước tính là 12096,99 kg/ngày, chiếm 7,95% trong tổng lượng rác thải phát sinh. Tỷ lệ rác thải nhựa phát sinh trung bình là 0,046 kg/người/ngày. Trong đó, rác thải nhựa loại LDPE phát thải nhiều nhất với hệ số phát sinh là 0,011 kg/người/ngày và thấp nhất là nhựa khác với 0,003 kg/người/ngày.

Người dân ở đây đều có nhận thức rõ ràng về tác hại của việc sử dụng các sản phẩm nhựa, tuy nhiên việc sử dụng và thải bỏ chúng chưa được hợp lý.

Nhiều hộ gia đình còn để rác ra lề đường gây khó khăn cho việc thu gom. Mức độ người dân quan tâm và hưởng ứng đến các chương trình giảm thiểu rác thải nhựa ở địa phương đã ở mức cao. Tuy nhiên, thực tế việc thay đổi thói quen cũng như cách thu gom, phân loại tại nguồn là một thách thức rất lớn đối với nhà quản lý.

Công tác thu gom, vận chuyển rác thải trong thời gian vừa qua cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, từng bước đi vào nề nếp, trên địa bàn công tác vệ sinh môi trường được đảm bảo, sạch sẽ hơn, ý thức của nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường được duy trì.

Từ kết quả nghiên cứu, đề xuất giải pháp về mô hình phân loại rác thải tại nguồn và mô hình tuyên truyền vận động “Giảm thiểu và tiến đến không sử dụng túi ni lông” cho huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chi cục Thống kê huyện Hoài Đức (2019). Tổng hợp dân số theo đơn vị hành chính trên địa bàn huyện Hoài Đức (Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 01/4/2019).
- Glover T (2003). Developing operational definitions and measuring interobserver reliability using house crickets (*Acheta domesticus*). In *exploring animal behavior in laboratory and field*, ed. B. J. Ploger and K. Yasukawa, 31 - 40, San Diego. Academic Press.
- Bùi Đức Hiến (2019). Hoàn thiện pháp luật về quản lý rác thải nhựa hướng tới phát triển kinh tế tuần hoàn – giải pháp quan trọng để kiểm soát ô nhiễm rác thải nhựa trên biển Việt Nam. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “*Ô nhiễm rác thải nhựa trên biển Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*”, Hà Nội, 11/2019. 205-218.
- Jambeck J. R., R. Geyer, C. Wilcox, T. R. Siegler, M. Perryman, A. Andrady, R. Narayan, K. L. Law (2015). Plastic waste inputs from land into the ocean. *Science* 347, 768-771.
- Nguyễn Thu (2019). Dự báo hướng nghiên cứu pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường trong thời gian tới. Chuyên đề thuộc nhiệm vụ khoa học cấp Bộ: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay. Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Hà Nội.

6. Ủy ban Nhân dân huyện Hoài Đức (2018). *Báo cáo hiện trạng môi trường huyện Hoài Đức năm 2018*.
7. Ủy ban Nhân dân huyện Hoài Đức (2019). *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019*, phương hướng nhiệm vụ năm 2020.
8. Vijaya S. Sangawar and Seema S. Deshmukha (2012). A short overview on development of the plastic waste management: environmental issues and challenges, Scientific Reviews & Chemical Communications (SRCC).

CURRENT STATUS OF MANAGEMENT AND AWARENESS OF RESIDENTS ON PLASTIC WASTE IN HOAI DUC DISTRICT, HANOI CITY

Hoang Thi Hue¹, Nguyen Thi Hong Hanh¹, Mau Danh Huy¹, Pham Hong Tinh¹

¹Hanoi University of Natural Resources and Environment

Summary

The paper presents the results of the current status of management and people's awareness on plastic waste in Hoai Duc district, Hanoi city. the sociological survey was carried out in Tram Troi town (35 households), An Thuong commune (35 households) and Son Dong 30 (households) and 11 district and commune environmental officers. Total waste and plastic waste were determined for 50 households randomly selected among 100 households participated in the sociological survey. The study results show that the total average generated plastic waste in Hoai Duc district was 12096.97 kg/day, accounting for 7.95% of the total waste generated. The average rate of plastic waste generated was 0.046 kg/person/day. Based on the results of the studies, a number of solutions to reduce plastic waste and raise people's awareness such as the model of waste separation at source and the model of communal communication were proposed.

Keywords: Awareness, plastic waste, management, solutions to reduce plastic waste

Người phản biện: GS.TS. Nguyễn Văn Song

Ngày nhận bài: 28/02/2020

Ngày thông qua phản biện: 31/3/2020

Ngày duyệt đăng: 7/4/2020